

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST.
Ngày: 13/4/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 21/2023/TLST - HS ngày 27/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ tên: **A M**, sinh ngày 09/8/2006, tại K, giới tính: Nam;

Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Ba Na; tôn giáo: Công giáo;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12;

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 062.206.004.578, cấp ngày: 13/5/2021;

Nơi cư trú: thôn Plei rơ hai 2, phường L, thành phố K, tỉnh K; con ông A Me, sinh năm 1968 và bà Y Th, sinh năm 1968;

Có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tại ngoại, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo A M: Bà Y Th là mẹ của bị cáo (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo A M: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Trợ giúp viên pháp L thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp L Nhà nước tỉnh K (Có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH MTV Đ KT; địa chỉ: Số 14 Sư Vạn Hạnh, phường D, thành phố K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoài Phúc – Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đoàn Huy Ph – Nhân viên kỹ thuật của Công ty; địa chỉ: Số 384 Nguyễn Văn Linh, phường Ng, thành phố K (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn A Thanh C, sinh ngày 12/06/2008.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn A Thanh C là bà Y Xeng (mẹ đẻ của anh C); cùng địa chỉ: Thôn Plei Rơ Hai 1, phường L, thành phố K

2/ Anh A L, sinh ngày 14/02/2007.

Người đại diện theo pháp luật cho A L là bà Y Tr (mẹ đẻ của A L); cùng địa chỉ: Thôn Plei Rơ Hai 1, phường L, thành phố K

3/ Anh A Đ, sinh ngày 22/09/2007.

Người đại diện theo pháp luật cho A Đ là bà Y Bot (mẹ đẻ của A Đ); cùng địa chỉ: Thôn Plei Rơ Hai 1, phường L, thành phố K

4/ Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 79 Nguyễn Tri Phương, phường L, thành phố K

5/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 29 Ngô Đứ Kê, phường L, thành phố K.

(Tất cả những người liên quan và đại diện của họ đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 10 và 11/10/2022, bị cáo A M cùng Nguyễn A Thanh C, A L và A Đãi (sau đây viết tắt: A M cùng các đối tượng) đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại kho vật liệu của Công ty TNHH MTV Đ KT (sau đây viết tắt: Công ty Đ), địa chỉ số 51 Nguyễn Tri Phương, phường L, thành phố K, tỉnh K, cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng 22 giờ đêm ngày 10/10/2022, bị cáo A M nảy sinh ý định trộm cắp các cây sắt trong kho vật liệu của Công ty Đ để bán lấy tiền tiêu xài, nên cầm theo 01 cái kìm đến rủ Nguyễn A Thanh C, A L và A Đãi đi trộm cắp, tất cả đồng ý. Khi đến kho, A M đưa kìm cho Nguyễn A Thanh C trèo lên bức tường cắt rào dây thép gai, sau đó tất cả cùng trèo lên bức tường chui qua rào thép gai vào bên trong kho lấy trộm **08** cây sắt hình chữ I, kích thước 03m x 0,1m x 4,5mm (*Đã qua sử dụng*) rồi đem cất giấu trong bụi cây gần cạnh kho vật liệu. Đến khoảng 09 giờ trưa ngày 11/10/2022, bị cáo A M cùng các đối tượng mang 08 cây sắt đã trộm được đến vừa thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Ch tại địa chỉ 79 Nguyễn Tri Phương, phường L, thành phố K bán với giá 800.000 đồng, ông Phạm Văn L là người làm thuê của bà Ch trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán, bà Ch đưa tiền cho ông L để trả tiền mua sắt cho A M và các đối tượng.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ đêm ngày 11/10/2022, cũng với hành vi như trên, bị cáo A M cùng các đối tượng tiếp tục rủ nhau trộm cắp **10** cây sắt hình chữ I, kích thước 03mx0,1mx4,5mm và **03** cây sắt hình chữ U, kích thước 03m x 0,1m x 4,5mm (*đều đã qua sử dụng*), đến khoảng 09 giờ trưa ngày 12/10/2022 mang bán cho vừa thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Ch với số tiền 1.300.000 đồng, ông Phạm Văn L là người đứng ra mua.

Khoản tiền của 02 lần bán tài sản trên, A M và các đối tượng đã tiêu xài chung hết.

Kết luận định giá tài sản, kết luận:

- Trị giá 08 cây sắt hình chữ I mà bị báo và các đối tượng chiếm đoạt ngày 10/10/2022 là: 3.149.320 đồng.

- Trị giá 10 cây sắt hình chữ I và 03 cây sắt chữ U mà bị báo và các đối tượng chiếm đoạt ngày 11/10/2022 là: 5.103.869 đồng.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKSTPKT ngày 27/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo A M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS, xử phạt bị cáo A M từ 06 đến 09 tháng tù. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng bào chữa cho bị cáo, thống nhất với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự; không đồng ý áp dụng tình tiết tăng nặng “*Xúi dục người chưa thành niên phạm tội*” vì bị cáo chỉ là người khởi xướng. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội mới hơn 16 tuổi, chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nhận thức chưa chín chắn, để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ từ 9 đến 12 tháng.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; thể hiện sự ăn năn hối cải.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người liên quan không ai có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX căn cứ Điều 292 của BLTTHS xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định:

Trong các ngày 10 và 11/10/2022, bị cáo A M cùng các đối tượng đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt các cây sắt chữ I, cây sắt chữ U tại kho

vật liệu của Công ty Đ, địa chỉ số 51 Nguyễn Tri Phương, phường L, thành phố K, cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng 22 giờ đêm ngày 10/10/2022, chiếm đoạt **08** cây sắt hình chữ I, kích thước 3m x 0,1m x 4,5mm, trị giá: 3.149.320 đồng.

Lần thứ hai vào khoảng 22 giờ đêm ngày 11/10/2022, chiếm đoạt **10** cây sắt hình chữ I, kích thước 03mx0,1mx4,5mm và **03** cây sắt hình chữ U, kích thước 03mx0,1mx4,5mm, tổng trị giá 5.103.869 đồng.

Hành vi 02 lần chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo A M và các đồng phạm đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS. Xét 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và các đồng phạm Nguyễn A Thanh C, A L và A Đãi là người chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm khoản 2 Điều 12 của BLHS. Riêng bị cáo A M khi phạm tội đã hơn 16 tuổi (16 tuổi 02 tháng 01 ngày) nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo A M là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo và các đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn thành phố K.

Bị cáo A M cùng các đồng phạm phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó lần phạm tội vào đêm ngày 10/10/2022 thì bị cáo A M là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ (kìm) và bị cáo tham gia tích cực trong đồng phạm, nên A M có vai trò chính trong đồng phạm, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Lần phạm tội vào đêm ngày 11/10/2022 thì bị cáo A M và các đồng phạm cùng thống nhất ý chí, cùng thực hành thực hiện trộm cắp, nên có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

[3] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo là người khởi xướng rủ các đồng phạm Nguyễn A Thanh C, A L và A Đãi đi trộm cắp khi các đồng phạm này chưa đủ 16 tuổi; hành vi của A M khởi xướng rủ người chưa đủ 16 tuổi phạm tội là hành vi xúi dục người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Xúi dục người chưa thành niên phạm tội*”; và A M bị đưa ra xét xử lần này với 02 lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] *Nhân thân:* Chưa có tiền án tiền sự.

[6] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Cần thiết phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên 16 tuổi 02 tháng 01 ngày, ở tuổi này bị cáo chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nhận thức còn bồng bột, chưa chín

chấn, nên áp dụng các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] *Hình phạt bổ sung*: Khi phạm tội bị cáo A M là người dưới 18 tuổi nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã trả lại 18 cây sắt hình chữ I và 03 cây sắt hình chữ U cho Công ty Đ là đúng quy định.

[9] *Trách nhiệm dân sự*:

- Bị hại Công ty Đ không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- Khoản tiền 2.100.000 đồng mà bị cáo A M cùng các đối tượng có được từ việc bán tài sản (sắt) trộm cắp cho chị Nguyễn Thị Ch, là khoản tiền thu lợi bất hợp pháp do phạm tội mà có. Theo quy định bị cáo và các đối tượng phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại khoản tiền này cho chị Ch. Tuy nhiên chị Ch không yêu cầu bị cáo và các đối tượng trả lại; và bị cáo cùng các đối tượng đã tiêu hết số tiền 2.100.000 đồng này, nên HĐXX không buộc bị cáo và các đối tượng nộp lại khoản tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[10] Các nội dung khác:

- Cơ quan CSĐT Công an thành phố K quyết định xử lý hành chính đối với Nguyễn A Thanh C, A L và A Đãi là đúng quy định.

- Ông Phạm Văn L và chị Nguyễn Thị Ch không biết các cây sắt là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan CSĐT không xử lý ông L và chị Ch về hình sự là đúng quy định.

- Đại diện của Công ty Đ khai còn bị mất trộm một số tài sản khác gồm: 30 cây sắt chữ I, 09 cây sắt chữ U và 03 cuộn dây điện. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được đối tượng trộm cắp. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[11] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo là người chưa thành niên, nên bà Y Th là mẹ của bị cáo phải nộp thay cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **A M** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52; các điều 38, 90, 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A M**: **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo A M phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bà Y Th là mẹ của bị cáo phải nộp thay tiền án phí cho bị cáo A M.

5. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/4/2023). Bị hại và người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Công an TP K;
- THA dân sự TP K;
- Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hp;
- Bị hại; và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hoài